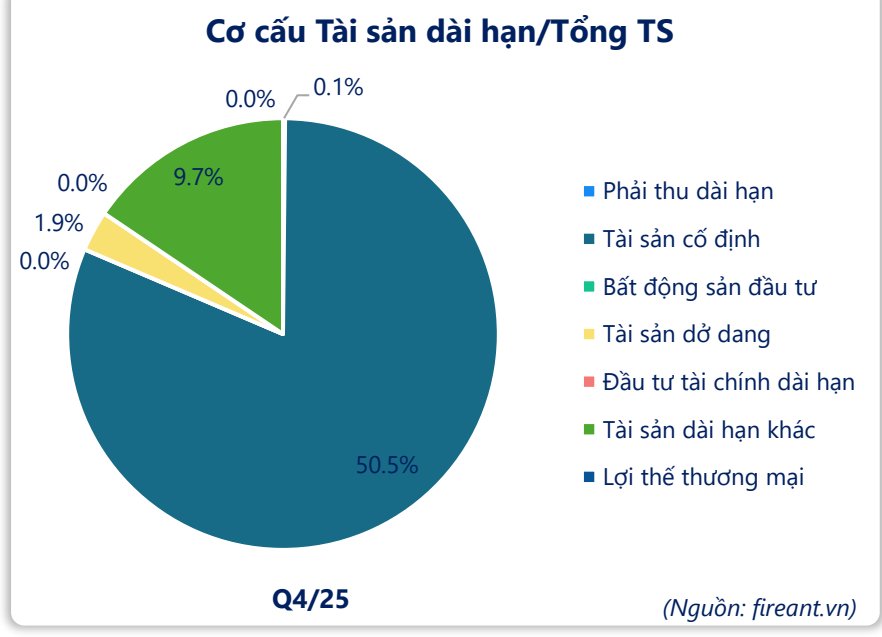
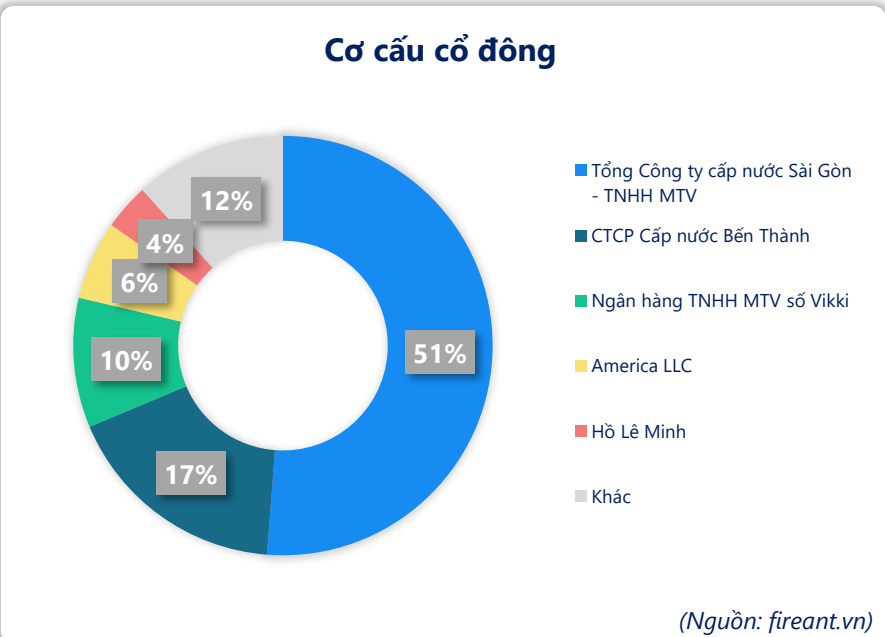
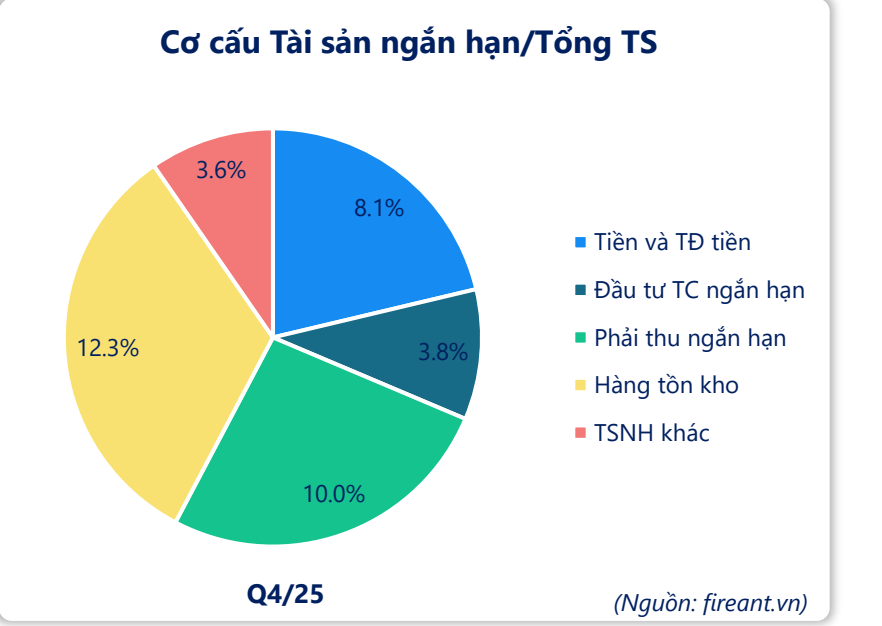
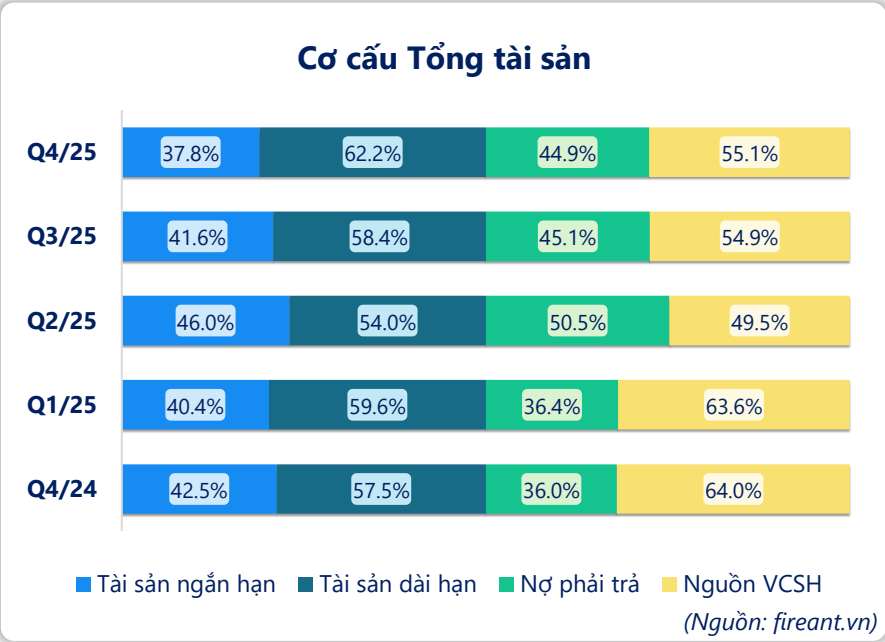
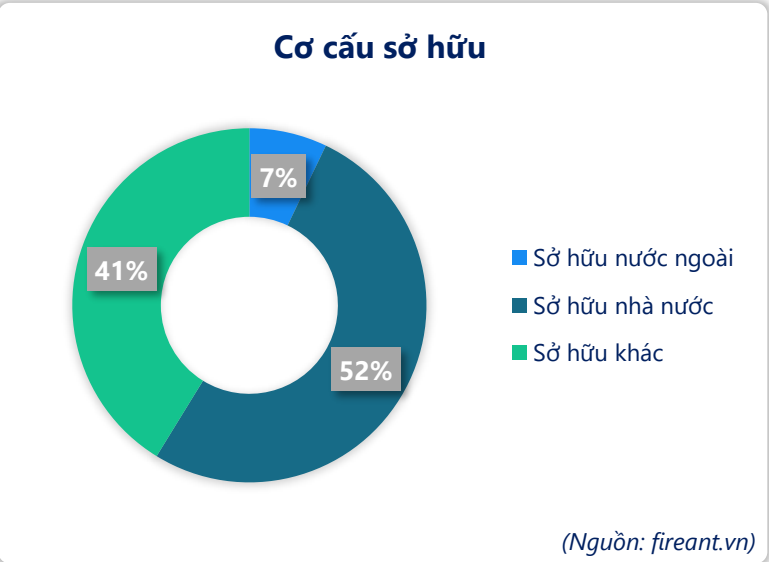
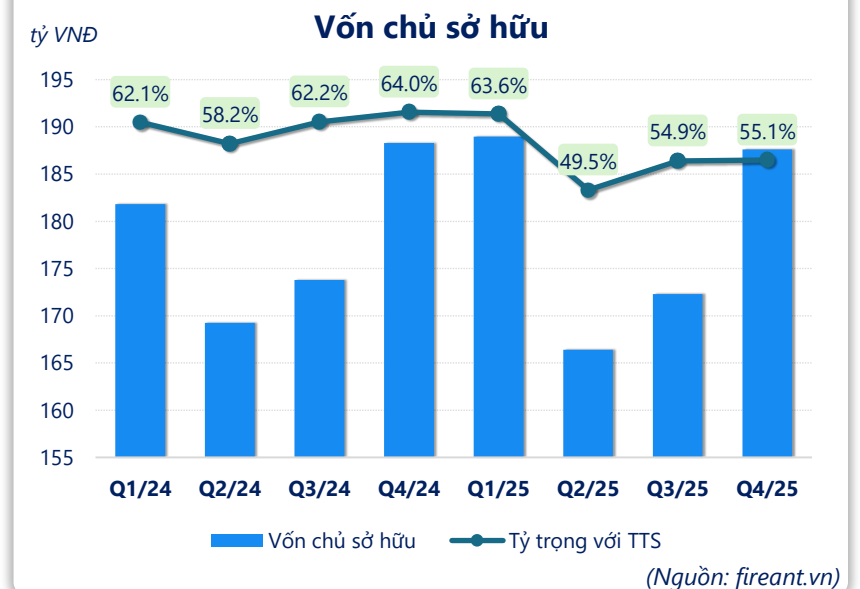
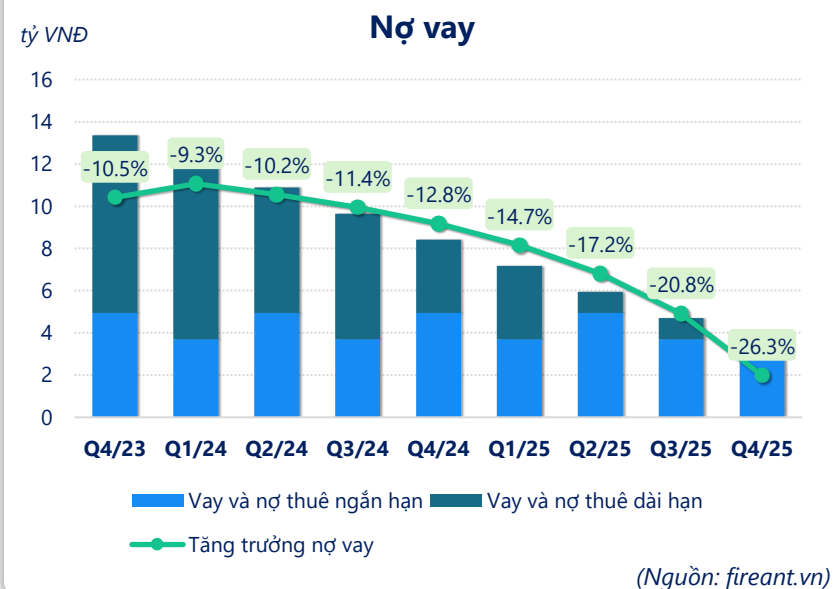
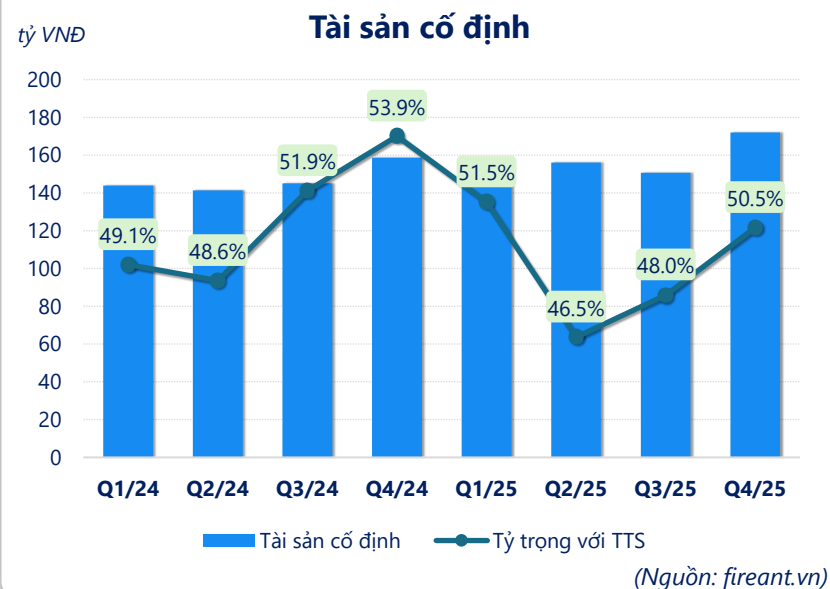
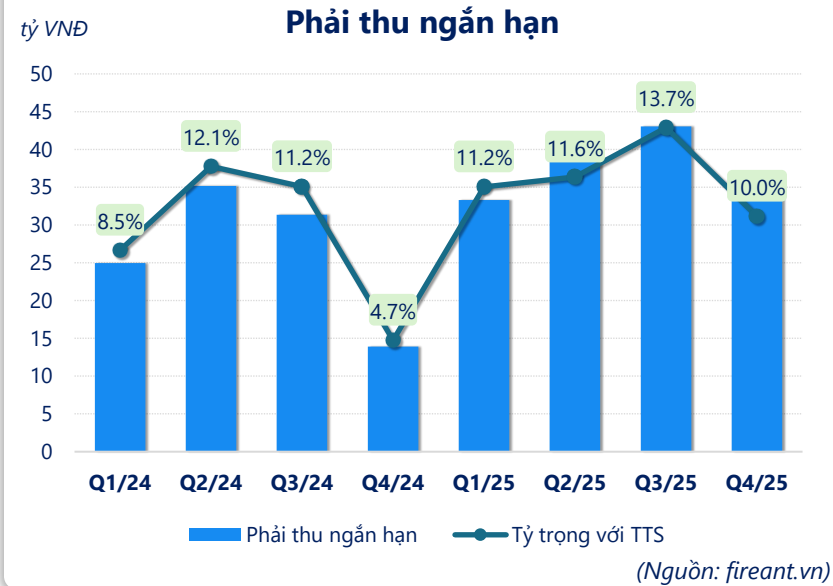
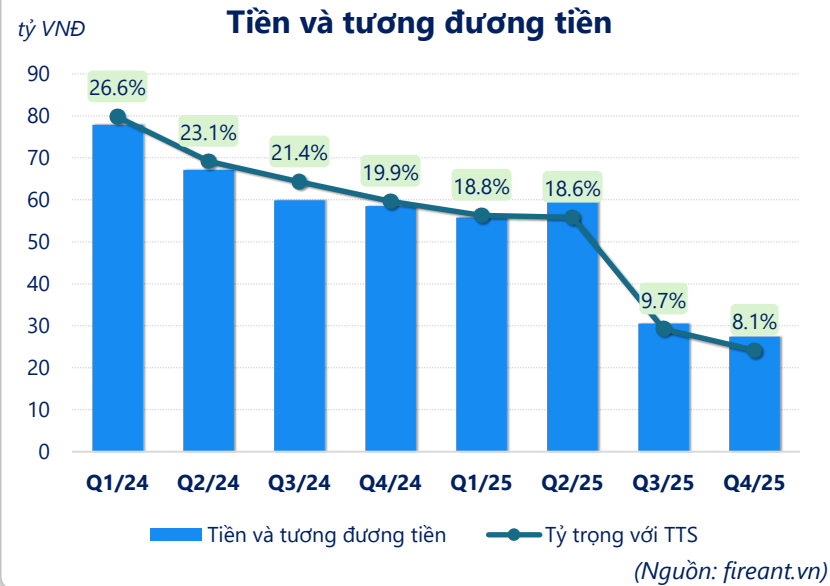
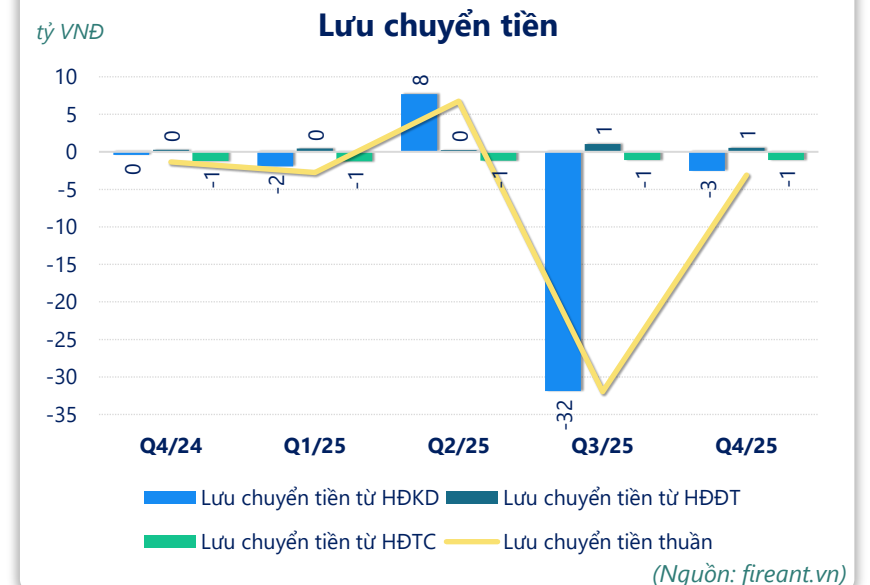
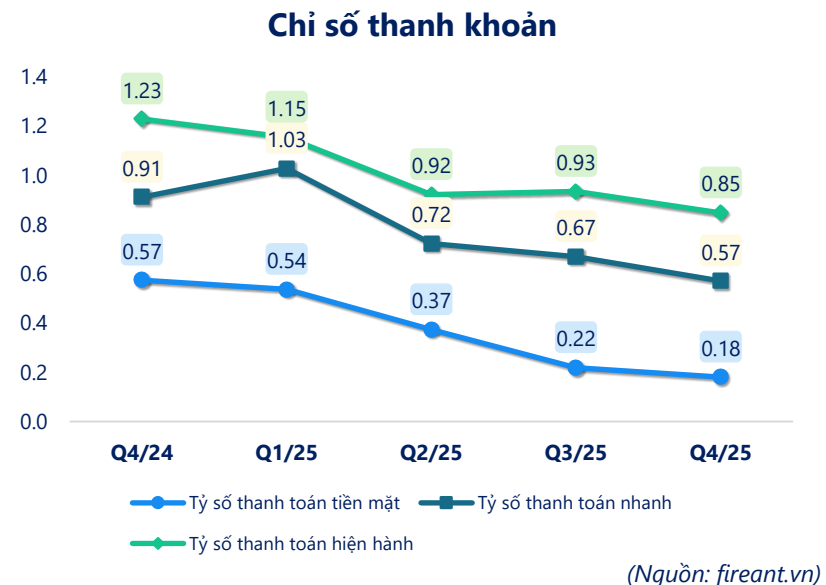
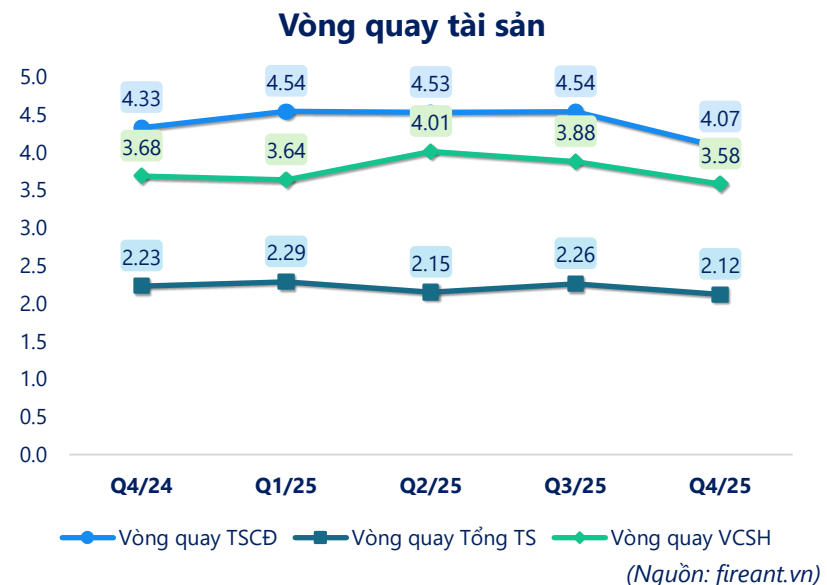
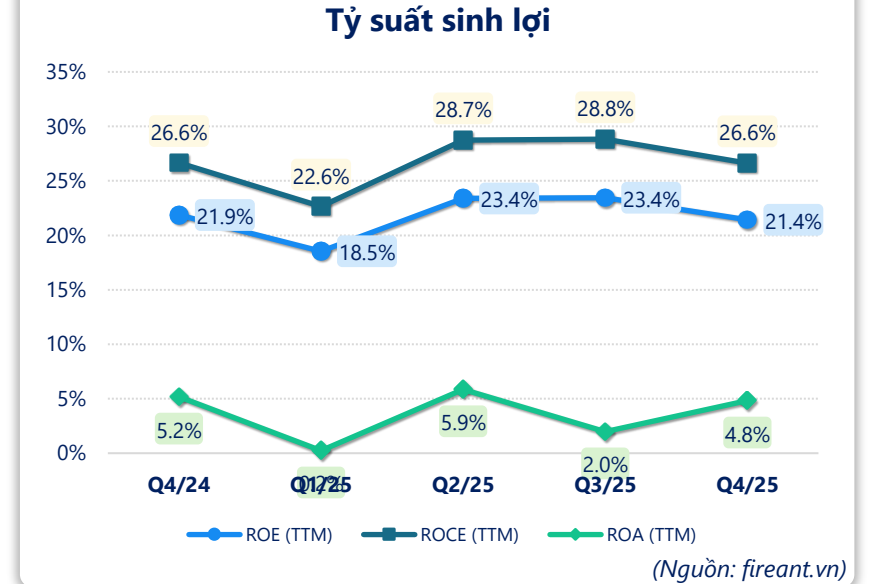
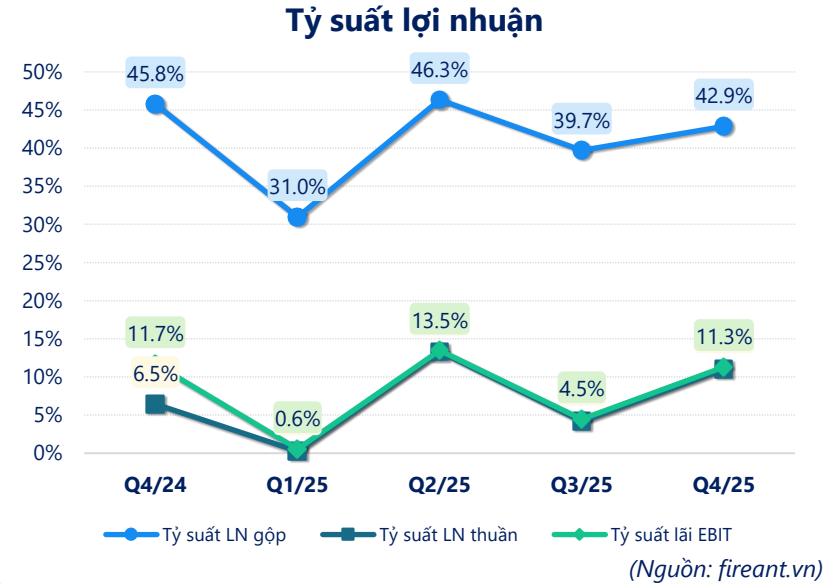
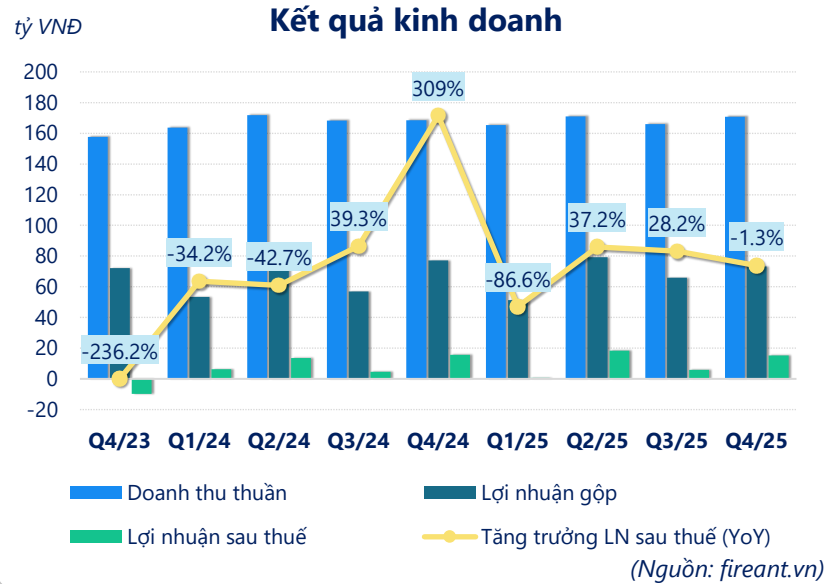


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,748
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,219
SL cổ phiếu LH		9,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		55
% sở hữu nước ngoài		7.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		352
P/E		8.8
EPS		4,239

	YTD	1T	3T	6T
GDW	34.0%	0.0%	-13.2%	18.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	341	294	15.7%
Tài sản ngắn hạn	129	125	2.9%
Tiền và tương đương tiền	27.4	58.5	-53.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	13.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	34.0	13.9	144%
Hàng tồn kho	42.1	32.3	30.0%
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	7.46	66.5%
Tài sản dài hạn	212	169	25.2%
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản cố định	172	159	8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.41	5.91	8.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	32.9	4.20	685%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	153	106	44.2%
Nợ ngắn hạn	152	102	49.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.17	4.94	-35.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	64.7	53.7	20.4%
Nợ dài hạn	0.86	4.08	-79.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.30	3.47	-91.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	188	188	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	188	188	-0.3%
Vốn điều lệ	95.0	95.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	168	165	171	166	171
Giá vốn hàng bán	91.4	114	91.7	100	97.6
Lợi nhuận gộp	77.1	51.2	79.2	65.9	73.2
Doanh thu HĐTC	0.45	0.15	0.41	0.16	0.45
Chi phí TC	0.17	0.12	0.13	0.09	0.08
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	42.9	30.9	34.1	36.4	29.7
Chi phí QLDN	23.6	19.9	22.6	22.6	25.1
LN thuần từ HĐKD	10.9	0.44	22.8	6.93	18.8
Lợi nhuận khác	8.82	0.47	0.24	0.49	0.51
LN trước thuế	19.7	0.91	23.0	7.42	19.3
Lợi nhuận sau thuế	15.6	0.70	18.4	5.91	15.3
LNST của CĐ cty mẹ	15.6	0.70	18.4	5.91	15.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.41	-1.95	7.68	-31.9	-2.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.25	0.45	0.24	1.04	0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.21	-1.25	-1.17	-1.11	-1.09
Tiền đầu kỳ	59.9	58.5	55.8	62.5	30.5
Lưu chuyển tiền thuần	-1.37	-2.75	6.75	-32.0	-3.12
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	58.5	55.8	62.5	30.5	27.4

(Nguồn: fireant.vn)